

Bản án số: 73/2019/HNGĐ-ST

Ngày 16 tháng 10 năm 2019

V/v “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn”.

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ B

Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Ngô Thị Thanh Hảo;

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Trần Đình Tư
2. Ông Nguyễn Văn Môn

Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Mai Hương, Thư ký Toà án nhân dân thành phố B.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố B: Ông Đặng Đức Hùng - Kiểm sát viên

Ngày 16 tháng 10 năm 2019 tại trụ sở Toà án nhân dân thành phố B xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 346/2019/TLST-HNGĐ, ngày 23 tháng 8 năm 2019 về việc “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 85/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 18/9/2019, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Chị Nguyễn Thị T, sinh năm 1986

Địa chỉ: Thôn Đ, xã Đ, thành phố B, tỉnh Bắc Giang. (Có mặt)

2. *Bị đơn:* Anh Nguyễn Minh H, sinh năm 1984

Địa chỉ: Thôn Đ, xã Đ, thành phố B, tỉnh Bắc Giang. (Có mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN

* Theo đơn khởi kiện đề ngày 08/8/2019, bản tự khai và quá trình tố tụng tại Tòa án cũng như tại phiên tòa nguyên đơn chị Nguyễn Thị T trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị và anh Nguyễn Minh H kết hôn ngày 05/3/2010, sau đó vợ chồng đăng ký kết hôn vào ngày 21 tháng 02 năm 2011 tại UBND xã Đ, thành phố B, tỉnh Bắc Giang, trước khi kết hôn vợ chồng chị được tự do tìm hiểu trên cơ sở tự nguyện và có được tổ chức lễ cưới hỏi theo phong

tục tập quán của địa phương. Sau khi kết hôn vợ chồng về chung sống cùng với bố mẹ chồng. Thời gian đầu tình cảm vợ chồng hòa thuận, hạnh phúc. Đến năm 2015 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn do vợ chồng bất đồng về lối sống và cách nuôi dạy con cái, anh H đi suốt ngày, không quan tâm chăm sóc gia đình vợ con. Mặc dù chị và anh H đã rất cố gắng, hai bên gia đình cũng đã can thiệp nhưng anh chị vẫn không kiểm chế được nổi bức xúc mỗi khi chung sống cùng trong một mái nhà. Từ năm 2017 mâu thuẫn trầm trọng, mặc dù vẫn sống chung nhà nhưng đã ly thân từ đó đến nay, không ai quan tâm đến cuộc sống của ai, kinh tế riêng biệt. Nay chị xác định tình cảm vợ chồng không còn nên chị đề nghị ly hôn anh Nguyễn Minh H.

Về con chung: Chị và anh H có 02 con chung là Nguyễn Ngọc M, sinh ngày 30/10/2011 và Nguyễn Ngọc A, sinh ngày 15/8/2015, hiện hai cháu đang sống cùng bố mẹ. Chị yêu cầu nuôi cháu Nguyễn Ngọc A và giao cho anh H nuôi cháu Nguyễn Ngọc M. Về cấp dưỡng nuôi con chung chị không yêu cầu Tòa án giải quyết. Lý do chị đề nghị nuôi cháu A vì cháu còn rất nhỏ, cần có sự chăm sóc của mẹ, trong khi đó anh H thường xuyên vắng nhà không có thời gian để chăm sóc cháu, còn cháu M đã lớn trong nhiều việc có thể tự lập nên cháu có thể ở với bố. Hiện nay chị đang làm công chức tại Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh Bắc Giang, thu nhập 5.000.000 đồng/ tháng, đủ điều kiện nuôi con.

Về tài sản chung, công nợ chung: Không có, Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa chị T trình bày: Mâu thuẫn vợ chồng chủ yếu do anh H không có thời gian cho gia đình, chơi bời nợ nần. Nếu anh H thay đổi thì chị muốn vợ chồng về đoàn tụ, còn anh H không thay đổi thì chị đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh H. Về con chung chị yêu cầu được nhận nuôi hai cháu, không yêu cầu anh H cấp dưỡng nuôi con. Nếu được nuôi một cháu thì chị yêu cầu được nuôi cháu thứ hai là Nguyễn Ngọc A vì cháu còn nhỏ cần sự chăm sóc của mẹ, còn cháu Nguyễn Ngọc M đã lớn, cháu có thể tự mình chăm sóc bản thân thì đề nghị Tòa án giao cho anh H nuôi. Ngoài ra chị không có yêu cầu gì khác.

** Tại các bản tự khai ngày 18/9/2019 và quá trình tố tụng tại Tòa án cũng như tại phiên tòa bị đơn là anh Nguyễn Minh H trình bày:*

Về quan hệ hôn nhân: Anh đăng ký kết hôn với chị Nguyễn Thị T vào ngày 21 tháng 02 năm 2011 tại UBND xã Đ, thành phố B, tỉnh Bắc Giang, trước khi kết hôn anh và chị T được tự do tìm hiểu trên cơ sở tự nguyện và có được tổ

chức lễ cưới hỏi theo phong tục tập quán của địa phương. Sau khi kết hôn vợ chồng về chung sống với nhau ngay. Thời gian đầu tình cảm vợ chồng hòa thuận, hạnh phúc.

Mâu thuẫn của vợ chồng anh phát sinh từ năm 2016, nguyên nhân mâu thuẫn do vợ chồng bất Đ điểm sống. Vợ chồng anh đã ly thân từ năm 2018 đến nay. Nay anh xác định tình cảm vợ chồng không còn nên anh đồng ý ly hôn chị T.

Về con chung: Anh và chị T có 02 con chung là Nguyễn Ngọc M, sinh ngày 30/10/2011 và Nguyễn Ngọc A, sinh ngày 15/8/2015, khi ly hôn anh yêu cầu nuôi cháu Nguyễn Ngọc A và giao cho chị T nuôi cháu Nguyễn Ngọc M. Về cấp dưỡng nuôi con chung anh không yêu cầu Tòa án giải quyết. Lý do anh đề nghị nuôi cháu A vì hiện nay cháu A đang học ở trường mầm non xã Đ, cháu M đang học trường tiểu học Võ Thị Sáu, do điều kiện công việc hiện nay vợ chồng phân công nhiệm vụ anh có trách nhiệm đưa đón cháu A đi học, chị T có trách nhiệm đưa đón cháu M đi học. Hiện nay anh đang làm cán bộ công chức xã Đ, thu nhập 12.000.000 đồng/ tháng, đủ điều kiện nuôi con.

Về tài sản chung, công nợ chung: Không có, Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa anh H trình bày: Anh đồng ý ly hôn, về con chung có hai con, nguyện vọng của anh là muốn nuôi cả hai con, nếu không được nuôi hai con thì anh có nguyện vọng nuôi cháu bé là Nguyễn Ngọc A vì hiện tại anh đang công tác tại Ủy ban nhân dân xã Đ, ngoài công việc ở xã anh còn đưa đón các cháu trong thôn đến trường mầm non bằng xe ô tô của anh, anh có nhiều thời gian để chăm sóc con cái. Ngoài ra anh không có yêu cầu gì khác

* Tài liệu, chứng cứ Tòa án thu thập được:

+ Tại biên bản lấy lời khai ngày 06/9/2019 cháu Nguyễn Ngọc M trình bày: Hiện nay cháu đang sống cùng với bố mẹ tại thôn Đ, xã Đ, thành phố B, tỉnh Bắc Giang và đang học lớp 3 tại Trường Tiểu học Võ Thị Sáu. Nay bố mẹ cháu ly hôn cháu không có ý kiến gì, trường hợp bố mẹ cháu ly hôn và không sống với nhau cháu có nguyện vọng được ở cùng với mẹ vì mẹ là người chăm sóc cháu từ nhỏ đến lớn.

+ Tại biên bản xác minh ngày 25/9/2019 ông Trịnh Xuân S là phó thôn Đ cung cấp như sau: Chị T và anh H đang chung sống với nhau tại thôn Đ, xã Đ, thành phố B, vợ chồng sống riêng không sống cùng bố mẹ, bố mẹ anh H hiện đang sống trong miền nam còn bố mẹ chị T cũng sống ở thôn khác không ở

cùng. Mâu thuẫn vợ chồng giữa chị T và anh H như thế nào thì địa phương không nắm được. Chị T và anh H có 02 con chung, cả hai đều là công chức và đều đủ điều kiện nuôi con.

Tòa án đã tiến hành mở phiên họp về kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải nhưng các bên không thống nhất về việc giải quyết vụ án.

+ Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố B phát biểu:

- Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử trong quá trình giải quyết vụ án tuân thủ theo đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự, việc chấp hành pháp luật của nguyên đơn, bị đơn tuân thủ theo đúng các quy định của pháp luật tố tụng dân sự.

- Ý kiến về việc giải quyết vụ án: Về quan hệ hôn nhân: Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa chị Nguyễn Thị T và anh Nguyễn Minh H; Về con chung: Giao con chung Nguyễn Ngọc A, sinh ngày 15/8/2015 cho chị Nguyễn Thị T trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giao cháu Nguyễn Ngọc M, sinh ngày 30/10/2011 cho anh Nguyễn Minh H trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Về cấp dưỡng nuôi con chung các bên tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không đặt ra xem xét, giải quyết; Về án phí: Chị T phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm.

- Kiến nghị, khắc phục vi phạm: Không.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

[1]. Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị T và anh Nguyễn Minh H kết hôn ngày 21 tháng 02 năm 2011 tại UBND xã Đ, thành phố B, tỉnh Bắc Giang, được gia đình hai bên tổ chức lễ cưới theo phong tục, tập quán của địa phương. Trước khi kết hôn hai bên có tìm hiểu và tự nguyện kết hôn được Ủy ban nhân dân xã Đ, thành phố B cấp giấy chứng nhận kết hôn. Hôn nhân giữa chị T và anh H là tự nguyện, không vi phạm các điều cấm kết hôn phù hợp với quy định tại Điều 8, Điều 9 Luật hôn nhân và gia đình.

Về quá trình chung sống của vợ chồng thì thấy: Thời gian đầu vợ chồng sống hạnh phúc và có với nhau hai con chung. Tuy nhiên quá trình chung sống vợ chồng nảy sinh nhiều mâu thuẫn. Mâu thuẫn trở nên trầm trọng từ năm 2017 do vợ chồng bất Đ điểm sống và cách nuôi dạy con cái. Vợ chồng đã ly thân từ năm 2017 đến nay. Tòa án đã tiến hành hòa giải nhưng chị T vẫn kiên quyết xin ly hôn anh H, anh H cũng đồng ý ly hôn chứng tỏ tình trạng hôn nhân đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được.

Do vậy, Hội đồng xét công nhận sự thuận tình ly hôn giữa chị T và anh H là phù hợp với quy định tại Điều 55 Luật hôn nhân và gia đình.

[2]. Về nuôi con chung: Chị T và anh H có 02 con chung là cháu Nguyễn Ngọc M, sinh ngày 30/10/2011 và Nguyễn Ngọc A, sinh ngày 15/8/2015. Hiện nay hai con chung vẫn đang ở cùng chị T, anh H. Chị T, anh H đều có nguyện vọng được nuôi cả hai cháu, trường hợp không được nuôi cả hai cháu thì chị T, anh H đều đề nghị được trực tiếp nuôi dưỡng cháu Nguyễn Ngọc A thì thấy: Chị T, anh H đều làm công chức, chị T hiện tại công tác tại Ủy ban nhân dân tỉnh Bắc Giang, anh H đang công tác tại Ủy ban nhân dân xã Đ. Chị T và anh H đều có thu nhập ổn định, có thời gian chăm sóc con cái. Theo nguyện vọng của cháu Nguyễn Ngọc M là được ở với chị T, hiện tại anh H vẫn đưa đón chăm sóc cháu Nguyễn Ngọc A. Để cuộc sống của các cháu được chăm sóc ổn định, đảm bảo cho sự phát triển tốt nhất của cả hai cháu và theo nguyện vọng của cháu Nguyễn Ngọc M thì cần giao cháu Nguyễn Ngọc M cho chị T nuôi dưỡng, giao cháu Nguyễn Ngọc A cho anh H nuôi dưỡng là phù hợp với qui định tại khoản 2 Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình.

[3]. Về cấp dưỡng nuôi con chung: Chị T, anh H đều không đề nghị Tòa án giải quyết, nên không xem xét giải quyết.

[4]. Chị T, anh H có quyền, nghĩa vụ thăm nom con sau khi ly hôn, không ai được cản trở. Cha, mẹ không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó. Vì lợi ích của người con nên Tòa án có thể thay đổi người trực tiếp nuôi con hoặc buộc bên không nuôi con phải có nghĩa vụ đóng góp cấp dưỡng nuôi con nếu sau này các đương sự có yêu cầu.

[5]. Về tài sản chung, nghĩa vụ chung về tài sản: Chị T, anh H đều không đề nghị Tòa án giải quyết, nên không xem xét giải quyết.

[6]. Về án phí: Chị T phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm là phù hợp với qui định tại Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự và điểm a khoản 5, Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

1. Căn cứ Điều 51; Điều 53; Điều 55; Điều 57; Điều 58; Điều 81; Điều 82; Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình. Căn cứ khoản 1 Điều 28; Điểm a khoản 1 điều 35; Điều 147; Điều 271; Khoản 1 Điều 273- Bộ luật tố tụng dân sự; Điểm a

khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

2. Xử:

2.1. Về quan hệ vợ chồng: Công nhận thuận tình ly hôn giữa chị Nguyễn Thị T và anh Nguyễn Minh H.

2.2. Về nuôi con chung: Giao cháu Nguyễn Ngọc M, sinh ngày 30/10/2011 cho chị Nguyễn Thị T nuôi dưỡng, giao cháu Nguyễn Ngọc A, sinh ngày 15/8/2015 cho anh Nguyễn Minh H nuôi dưỡng. Về cấp dưỡng nuôi con chung các bên tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Chị T, anh H có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung sau khi ly hôn, không ai được cản trở.

2.3. Về án phí: Chị Nguyễn Thị T phải chịu 300.000đ án phí DSST nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng chị T đã nộp theo biên lai số AA/2016/0000539 ngày 22/8/2019 tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố B.

2.4. Về quyền kháng cáo: các đương sự có mặt có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- VKSND TP. B,
- CCTHADS TP. B,
- UBND xã Đ, thành phố B.
- Các đương sự,
- Lưu HS, VP.

T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Ngô Thị Thanh Hảo